

Số: 12 /NQ-HĐND

Tri Tôn, ngày 31 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 5 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai

đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương cho các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn.

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương: 21.289 triệu đồng.

- Đối với nguồn vốn ngân sách huyện đối ứng thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân huyện bố trí, cân đối trong kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện nội dung thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn:

- Phân bổ các xã điểm phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo lộ trình của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Phân bổ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn trước năm 2021, phấn đấu duy trì nâng chất bộ tiêu chí.

- Phân bổ hỗ trợ các xã phấn đấu nông thôn mới sau năm 2025.

(Danh mục chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh điều chỉnh, thay đổi danh mục công trình năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân huyện và trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định ở kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn khóa XII, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 31 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh,
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch – Đầu tư; Sở Tài chính tỉnh;
- Sở NN&PTNT và Văn phòng ĐP. NTM tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT. D

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Phương Lan



PHỤ LỤC

DANH MỤC CHI TIẾT CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 (BAO GỒM NGUỒN VỐN NĂM 2021 CHUYỂN SANG)
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 HUYỆN TRI TÔN

(Đính kèm Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn)

Đvt: Triệu đồng

| TT | Danh mục công trình | Quy mô | Thời gian thực hiện | Kế hoạch năm 2022 (bao gồm nguồn vốn năm 2021 chuyển sang) | | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|------------|--|--------------|---------------------|--|----------------------|-----------------------------|---------|
| | | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | | Ngân sách Trung ương | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| | Công trình cấp xã | 33 CT | | 21.289 | 21.289 | | |
| I.1 | Các xã điểm phấn đấu đạt chuẩn NTM theo lộ trình của tỉnh giai đoạn 2021-2025 | | | 5.833 | 5.833 | | |
| I | Xã Tân Tuyến | | | 1.708 | 1.708 | | |
| 1 | Cải tạo gờ bó vỉa đường tỉnh 943 | 1000m | 2022-2024 | 923 | 923 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | Nâng cấp lộ GTNT bờ bắc kênh Ba thê mới | | 2022-2024 | 785 | 785 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| II | Xã Lạc Quới | | | 1.708 | 1.708 | | |
| 1 | Nâng cấp lộ GTNT đường miếu ông Chín | | 2022-2024 | 800 | 800 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | Cải tạo cảnh quan nông thôn (Nâng cấp, mở rộng công viên Lạc Quới) | | 2022-2024 | 300 | 300 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 3 | Nâng cấp, mở rộng bờ Tây kênh T5 (đoạn QL N1 đến tuyến dân cư) | 300m | 2022-2024 | 608 | 608 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| III | Xã Núi Tô | | | 2.417 | 2.417 | | |
| 1 | NC lộ GTNT đường số 1,2 Tô Trung | 300m | 2022-2024 | 617 | 617 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | NC lộ GTNT đường vào sân đua bò | 700m | 2022-2024 | 1.000 | 1.000 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 3 | NC lộ GTNT đường nhánh vào hồ Soài Chék (đoạn 360m) | 360m | 2022-2024 | 800 | 800 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |

| TT | Danh mục công trình | Quy mô | Thời gian thực hiện | Kế hoạch năm 2022 (bao gồm nguồn vốn năm 2021 chuyển sang) | | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-------------|---|--------|---------------------|--|----------------------|-----------------------------|---------|
| | | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | | Ngân sách Trung ương | | |
| I | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| I.2 | Các xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn trước năm 2021, phần đầu duy trì nâng chất bộ tiêu chí | | | 3.647 | 3.647 | | |
| I | Xã Vĩnh Gia | | | 912 | 912 | | |
| 1 | NC lộ GTNT đoạn đường từ khu nghĩa địa đến đoàn Biên phòng Vĩnh Gia | 350m | 2022-2024 | 604 | 604 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | Gia cố, lắp đặt cống đoạn đường từ khu nghĩa địa đến đoàn Biên phòng Vĩnh Gia | | 2022-2024 | 308 | 308 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| II | Xã Tà Đảnh | | | 912 | 912 | | |
| 1 | Nâng cấp lộ GTNT đường liên ấp Tân Thuận, Tân Thạnh | | 2022-2024 | 600 | 600 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | Gia cố, cấp phối đường liên ấp Tân Trung | | 2022-2024 | 312 | 312 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| III | Xã Lương Phi | | | 912 | 912 | | |
| 1 | Nâng cấp lộ GTNT đường lên miếu cừu phẩm | 130m | 2022-2024 | 308 | 308 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | Nâng cấp lộ GTNT đường Lộ giữa An Nhơn - An Thành | 350m | 2022-2024 | 604 | 604 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| IV | Xã Lương An Trà | | | 912 | 912 | | |
| 1 | Nâng cấp lộ GTNT đường dân sinh đoạn từ kênh ven lộ - chốt ông Hiện (cấp kênh Ninh Phước 2 (bờ Đông)) | 450m | 2022-2024 | 604 | 604 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | Nâng cấp đường vào Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng | 196m | 2022-2024 | 308 | 308 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| II.3 | Các xã phần đầu NTM sau năm 2025 | | | 11.809 | 11.809 | | |

| TT | Danh mục công trình | Quy mô | Thời gian thực hiện | Kế hoạch năm 2022 (bao gồm nguồn vốn năm 2021 chuyển sang) | | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|------------|--|--------|---------------------|--|----------------------|-----------------------------|---------|
| | | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | | Ngân sách Trung ương | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| I | Xã Lê Tri | | | 2.417 | 2.417 | | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng công viên Văn hóa xã | | 2022-2024 | 500 | 500 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | Nâng cấp vỉa hè trước cổng trường mẫu giáo và tiểu học | | 2022-2024 | 317 | 317 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 3 | Nâng cấp lộ GTNT đoạn Núi Chội - Vồ Đá Đen | | 2022-2024 | 800 | 800 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 4 | Nâng cấp lộ GTNT đoạn Hồ Núi dài 2 - Bến Suối Tranh | | 2022-2024 | 800 | 800 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| II | Xã Châu Lãng | | | 2.417 | 2.417 | | |
| 1 | NC lộ GTNT đường ấp An Lộc | | 2022-2024 | 1.100 | 1.100 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | NC lộ GTNT đường ấp Cây Me | | 2022-2024 | 1.000 | 1.000 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 3 | Nạo vét mương thoát lũ núi xã Châu Lãng | | 2022-2024 | 317 | 317 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| III | Xã An Tức | | | 2.417 | 2.417 | | |
| 1 | Nâng cấp lộ GTNT đường ngõ xóm (Nhà bà Phòng) | | 2022-2024 | 750 | 750 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | Cải tạo hệ thống nước thải khu dân cư ấp Ninh Thuận | | 2022-2024 | 700 | 700 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 3 | NC lộ GTNT đường Phum Chek Đây Prăm | | 2022-2024 | 967 | 967 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| IV | Xã Ô Lám | | | 2.417 | 2.417 | | |

| TT | Danh mục công trình | Quy mô | Thời gian thực hiện | Kế hoạch năm 2022 (bao gồm nguồn vốn năm 2021 chuyển sang) | | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|----------|---|--------------|---------------------|--|----------------------|-----------------------------|---------|
| | | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | | Ngân sách Trung ương | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 |
| 1 | Nạo vét, gia cố, làm cấp phối lộ GTNT TV Phước Long | 990m | 2022-2024 | 500 | 500 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | Nâng cấp sửa chữa nhà lồng chợ Ô Lâm | | 2022-2024 | 450 | 450 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 3 | Nạo vét mương khu vực chợ Ô Lâm | 3000m | 2022-2024 | 667 | 667 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 4 | Nâng cấp lộ GTNT đường khu vực chợ Ô Lâm | 600m | 2022-2024 | 800 | 800 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| V | Xã Vĩnh Phước | | | 2.142 | 2.142 | | |
| 1 | Nâng cấp lộ GTNT bờ nam kênh VT 2 (Đoạn NVT5-NVT6) | 899m | 2022-2024 | 1.200 | 1.200 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 2 | Nâng cấp lộ GTNT bờ bắc kênh VT2 (NVT6-NVT7) | 900m | 2022-2024 | 604 | 604 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |
| 3 | Xây dựng cầu NVT 6 | Bề rộng 3,5m | 2022-2024 | 338 | 338 | Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện | |